UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4703 /UBND-KT	*Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 8 năm 2017*

V/v xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020

HỎA TỐC

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 6972
Ngày: 04/8/17
Chuyển:

Kính gửi:
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm *(Thông tư số 69/2017/TT-BTC)*, số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2018 – 2020; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ nội dung các văn bản nêu trên thực hiện xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020 sát với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương; Trong đó, phải đảm bảo các nội dung cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2017

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN:

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất -

kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2017 đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua; trong đó, tập trung các nội dung sau:

a) Đánh giá, phân tích từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu NSNN năm 2017, gồm:

Những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất - kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2017 của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế do tác động của các yếu tố trong nước và ngoài nước; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp; mức độ tăng, giảm vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; khả năng tiếp cận vốn tín dụng thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu của các doanh nghiệp; diễn biến thị trường bất động sản.

Tác động của diễn biến giá dầu thô, giá hàng hóa nông sản trên thị trường thế giới và trong nước, việc triển khai các Nghị quyết của Chính phủ số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 *(Nghị quyết số 35/NQ-CP),* số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 *(Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP),* các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và tác động của các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

b) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp điều hành thu NSNN được quy định tại các văn bản: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Công văn số 3525/UBND-KT ngày 14/6/2017 về việc điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách địa phương năm 2017. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các Luật thuế và nhiệm vụ thu NSNN theo Nghị quyết của Quốc hội; các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2017;

c) Đánh giá tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế, gồm:

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2017. Rà soát, xác định chính xác số nợ thuế đến ngày 31/12/2016, phân tích đánh giá tình hình nợ thuế, xóa nợ thuế, thu hồi nợ thuế trong năm 2017 và dự kiến đến ngày 31/12/2017.

- Đánh giá kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra; quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

d) Đánh giá tình hình kê khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT phát sinh theo quy định của Luật thuế GTGT của doanh nghiệp năm 2017 và dự kiến số kinh phí hoàn thuế GTGT cho doanh nghiệp trong năm 2017.

đ) Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí; khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công; thu xử phạt vi phạm hành chính; thu phạt và tịch thu khác 06 tháng và cả năm 2017.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi:

a) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển:

- Công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2017:

+ Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo quy định.

+ Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2017, bao gồm: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2017; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản (XDCB) thuộc nguồn NSNN.

+ Tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2017, bao gồm: Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTPT năm 2017 *(bao gồm giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II/2017 (gồm: thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư))*, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31/12/ 2017 *(kèm theo biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2016, kế hoạch vốn và ước thực hiện năm 2017, có bản thuyết minh)*.

+ Tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia *(CTMTQG)*, chương trình mục tiêu *(CTMT)*, các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn ODA *(viện trợ ODA và vay ODA)* và vốn vay ưu đãi *(cụ thể tiến độ giải ngân, khả năng đảm bảo vốn đối ứng)*.

+ Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất *(nếu có)*; trong đó: báo cáo chi tiết số tiền còn dư đến ngày 31/12/2016; ước số thu phát sinh năm 2017; kiến nghị phương án sử dụng đối với số còn dư đến 31/12/2016 và số phát sinh năm 2017.

+ Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB nguồn NSNN *(bao gồm cả trái phiếu Chính phủ)* theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 và số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015: Số nợ đến ngày 31/12/2016, số thu hồi trong năm 2017, ước số còn nợ đến ngày 31/12/2017 *(chi tiết từng dự án)*.

+ Số vốn NSNN đã ứng trước cho các dự án đầu tư đến ngày 30/6/2017 chưa có nguồn thu hồi.

+ Tình hình vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương *(kể cả nguồn tạm ứng tồn ngân Kho bạc nhà nước)* để thực hiện các dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng.

+ Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2017 và dự kiến đến hết năm 2017; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

+ Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển:

+ Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước *(tổng mức tăng trưởng tín dụng, các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng, nguồn NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất,...)*; đối tượng hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mối thực hiện chính sách tín dụng; lãi suất cho vay; cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

+ Tình hình thực hiện chính sách tín dụng cho các chương trình cho vay

hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;... Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, đối tượng, điều kiện vay, lãi suất huy động bình quân, lãi suất cho vay bình quân; dư nợ cho vay đầu năm 2017, số phát sinh vay và trả nợ trong năm 2017, dự kiến mức dư nợ cuối kỳ; số nợ kinh phí cấp bù lãi suất đầu năm 2017, số phát sinh trong năm, số đã được cấp bù, số dự kiến còn nợ cuối năm 2017.

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa, bao gồm: Tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

- Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

- Kết quả thực hiện các biện pháp điều hành chi ngân sách tại các văn bản: Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 14/CT- TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 4494/BTC-HCSN ngày 04/4/2017 của Bộ Tài chính, các Công văn của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3525/UBND-KT ngày 14/6/2017 và số 2881/UBND-KT ngày 17/5/2017. Trong đó, trình bày kết quả việc thực hiện việc cắt giảm dự toán đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện.

- Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017; khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

- Báo cáo về biên chế, quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp năm 2016 và dự kiến năm 2017; xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/người/tháng tại Nghị định số 47/2017/NĐ- CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ. Xác định nguồn cải cách tiền lương năm 2017, dự kiến năm 2018 và số còn dư *(nếu có)* sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm 2017, năm 2018 để chi trả thay phần

NSTW hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành *(giảm tương ứng phần NSTW phải hỗ trợ theo chế độ)* theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2017, cụ thể:

+ Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

+ Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

+ Tình hình triển khai thực hiện 6 tháng đầu năm và khả năng thực hiện cả năm 2017 đối với các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công; tình hình thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực theo các Nghị định của Chính phủ số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Quyết định 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2020, trong đó chi tiết: số đơn vị đã giao tự chủ theo từng loại; lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; tác động đến NSNN *(số tăng thu của đơn vị sự nghiệp và số giảm chi NSNN hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp - nếu có)*.

+ Tình hình, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế đến ngày 30/6/2017 và dự kiến cả năm 2017 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng các Bộ: Nội vụ và Tài chính.

c) Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình MTQG, CTMT và

chương trình dự án khác sử dụng nguồn vốn nước ngoài; cụ thể:

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài và tình hình giải ngân nguồn vốn ngoài nước *(Chi tiết vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có)).*

d) Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

- Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật;

- Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo: Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3 - 5 tuổi; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLDTBXH-BTC của các Bộ trưởng: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thôn ở xã, thông đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng;

- Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đông bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; chính sách miễn thu thuỷ lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách hỗ trợ tiền tiện cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng *(nếu có);*

- Chính sách đối với trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân;

- Chính sách hỗ trợ ngư dân gặp rủi ro khi bám biển, đánh bắt xa bờ; chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản; chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm cơ chế hỗ trợ một lần sau đầu tư cho chủ tàu đóng mới tàu theo quy định tại Nghị định số 89/2015/NĐ-CP và Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

- Tình hình thực hiện chính sách đối với hộ nghèo thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều; thời điểm thực hiện và nguồn ngân sách bảo đảm.

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng *(trong đó đối với hộ nghèo xác định theo tiêu chí thu nhập)*, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2017 và dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018 *(có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính)*.

đ) Tình hình giảm chi NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc điều chỉnh giá, phí đơn vị sự nghiệp công và việc sử dụng số giảm chi ngân sách để tăng chi thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, các đối tượng chính sách để tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm, sửa chữa và chi ĐTPT cho các chương trình, dự án, các mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, trên cơ sở đó cơ cấu lại chi thường xuyên các lĩnh vực, cơ cấu lại chi NSNN.

e) Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách *(bao gồm cả số ngân sách tỉnh hỗ trợ (nếu có)* và sử dụng dự phòng thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng ngân sách đến 30/6/2017.

f) Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc phân bổ lập quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

g) Tình hình thực hiện vay và trả nợ các khoản vay của NSĐP *(nếu có)*, gồm: số dư nợ đầu năm, số vay đến ngày 30/6/2017, ước số vay cả năm, chi tiết

theo mục đích vay *(vay trả nợ gốc, vay bù đắp bội chi)* và theo từng nguồn vốn; tình hình thực hiện trả nợ *(lãi, phí)* đến ngày 30/6/2017 chi tiết theo từng nguồn vốn; trả nợ gốc các khoản vay, chi tiết theo từng nguồn (vay mới trả nợ cũ, từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi); dư nợ cuối năm theo kế hoạch và ước thực hiện, chi tiết theo từng nguồn vốn nêu trên.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSĐP NĂM 2018

1. Xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn:

a) Dự toán thu NSNN năm 2018 phải được xây dựng tích cực, sát thực tế phát sinh, đúng chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước hiện hành. Mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN. Trên cơ sở dữ liệu thông tin quản lý về thuế, đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2017, dự báo các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2018 có tính đến các yếu tố: Tác động của quá trình hội nhập quốc tế; yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật về thuế mới sửa đổi, bổ sung, mở rộng cơ sở tính thuế *(kể cả đối tượng và căn cứ tính thuế)* và lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết quốc tế; yếu tố tăng thu từ tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi. Loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách, dự toán thu nội địa năm 2018 (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT) bình quân tăng tối thiểu 12-14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017 và dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017.

b) Các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2017, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2018 để xây dựng dự toán thu phù hợp, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí *(số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN)*.

Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, đơn vị,

địa phương, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

c) Xây dựng dự toán thu từ nguồn viện trợ không hoàn lại: Căn cứ các hiệp định, các thỏa thuận viện trợ ODA, viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã ký kết, tiến độ thực hiện dự án đến 30/6/2017 và dự kiến đến 31/12/2017 để đưa đầy đủ vào dự toán thu viện trợ năm 2018.

2. Dự toán chi NSNN địa phương:

a) Đối với chi đầu tư phát triển:

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN được xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 684a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Đối với các dự án dự kiến bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 thấp hơn so với quyết định đầu tư phê duyệt, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần rà soát, phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh tổng mức đầu tư, xác định điểm dừng kỹ thuật hợp lý hoặc bổ sung nguồn hợp pháp khác để hoàn thành dự án phù hợp với quy mô vốn.

- Khi xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN, các cơ quan, đơn vị và địa phương cần chi tiết các lĩnh vực theo quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện CTMTQG, dự án CTMT, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (ii) vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (iii) chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định *(ưu tiên thực hiện các dự án mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm liên*

ngành, liên lĩnh vực để thực đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng GRDP).

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước để đầu tư, phải lập dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu này *(bao gồm cả số thu năm 2017 chưa sử dụng hết)* và tổng hợp trong dự toán chi đầu tư phát triển của cơ quan, đơn vị và các địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để tổng hợp dự toán NSNN năm 2018 trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Đối với dự toán chi thường xuyên:

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XII; Chương trình hành động số 19- CTr/TU ngày 01/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ và Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện thực hiện Chương trình hành động số 19- CTr/TU ngày 01/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2018, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; ngoài ra cần lưu ý:

+ Rà soát đầy đủ các chủ trương, chế độ, chính sách để đảm bảo xây dựng dự toán đầy đủ, chính xác và thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán.

+ Tăng cường trách nhiệm về tính chính xác của số liệu hoặc cơ sở tính của các chế độ, chính sách đối với từng ngành, lĩnh vực và địa phương, tránh tình trạng bỏ sót nhiệm vụ chi dẫn đến bổ sung dự toán nhiều lần trong năm làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành ngân sách và đơn vị bị động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

+ Khắc phục những tồn tại như xây dựng dự toán quá cao so với khả năng cân đối nguồn thu, thiếu nhiệm vụ chi, trùng lắp về đối tượng, nhiệm vụ chi làm ảnh hưởng đến công tác xây đựng dự toán chung của tỉnh. Đơn vị sử dụng NSNN lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí.

- Dự toán chi thường xuyên phải triệt để tiết kiệm; dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; giảm tần suất và tiết

kiệm tối đa kinh phí sử dụng từ ngân sách để tổ chức lễ hội, nhất là lễ hội có quy mô lớn, hội thảo, khánh tiết,... sử dụng ngân sách; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; thực hiện khoán xe ô tô công.

- Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, dự toán của các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi kèm thuyết minh chi tiết: Tên công trình, mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

- Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Chỉ thị số 02/CT-TTg; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực. Xây dựng dự toán theo hướng giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

c) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2018:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với

nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các nguồn kinh phí để thực hiện; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm.

Dự kiến tác động đối với dự toán NSNN năm 2018 khi triển khai thực hiện Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu *(giao thông, thuỷ lợi)* để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2018 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2017, trừ đi (-) số biên chế giảm trong năm *(nghỉ theo chế độ và tinh giản biên chế trong năm 2017)*, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2017, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt *(nếu có)*.

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng *(tính đủ 12 tháng)* do NSNN đảm bảo, bao gồm: *(i)* Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ *(bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT,*

kinh phí công đoàn); *(ii)* Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù *(cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác)* năm 2018 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2018 được xác định bằng dự toán năm 2017 theo Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội Quần chúng.

- Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

Căn cứ Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện; căn cứ thỏa thuận viện trợ đã ký với nhà tài trợ, khả năng thực hiện năm 2017, cơ chế tài chính của chương trình, dự án để lập dự toán chi vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng *(vốn sự nghiệp)* của từng chương trình, dự án theo các lĩnh vực chi tương ứng, phù hợp với các cam kết đã ký với nhà tài trợ, khả năng bố trí vốn đối ứng và tiến độ thực hiện; hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán được giao trong tổ chức thực hiện

d) Năm 2018, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định. Theo đó, tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên *(trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ);* 50% nguồn tăng thu thực hiện năm 2017 so dự toán năm 2017, tăng thu dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư; đồng thời, yêu cầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có nguồn thu được giao tự chủ phấn đấu tăng thu cùng với lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu này ưu tiên để thực hiện cải cách tiền lương.

đ) Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại *(phí và các khoản huy động đóng góp bằng tiền, trừ học phí và các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí)* theo chế độ quy định và tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị.

c) Xây dựng báo cáo các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

Lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý *(nếu có)* gửi cùng dự toán NSNN năm 2018 theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN 03 NĂM 2018 - 2020

1. Yêu cầu lập kế hoạch:

Năm 2018 là năm đầu tiên các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 làm cơ sở cho việc lập, xem xét, quyết định dự toán NSNN năm 2018, do đó phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Thực hiện đúng Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Các mục tiêu, nhiệm vụ về thu, chi từng năm trong giai đoạn kế hoạch 2018-2020 cần bám sát mục tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 – 2020 đã được cấp có thẩm quyền quyết định và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; đảm bảo nguyên tắc chỉ tham mưu ban hành chính sách chi thực sự cần thiết và có nguồn lực đảm bảo.

c) Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2018, sử dụng số dự kiến dự toán thu, chi NSNN năm 2018 làm cơ sở xác định kế hoạch thu, chi NSNN cho 02 năm 2019 và năm 2020.

2. Lập kế hoạch thu NSNN:

a) Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2018-2020 được lập trên cơ sở dự kiến dự toán thu NSNN năm 2018 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2019, năm 2020; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

b) Tỷ lệ tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2019, năm 2020 được xác định theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành, đồng thời tính đến:

- Khả năng phát triển kinh tế của địa phương trong năm 2019 và năm 2020; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

- Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập đến năm 2020.

- Tác động từ việc điều chỉnh giá các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

- Loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách, phấn đấu năm 2019, năm 2020 dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT) bình quân tăng tối thiểu 13-15%/năm, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân 5 - 7%/năm.

c) Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các cơ quan, đơn vị căn cứ số dự kiến thu năm 2018 để xây dựng kế hoạch thu năm 2019, năm 2020 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN);

d) Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi NSNN:

a) Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2018 - 2020 của cơ quan, đơn vị và địa phương được lập trên cơ sở dự kiến dự toán chi NSNN năm 2018 và trần chi ngân sách năm 2019, năm 2020 do cơ quan có thẩm quyền thông báo cho từng cơ quan, đơn vị; đồng thời, xác định khả năng giảm chi thường xuyên các lĩnh vực sự nghiệp năm 2019, năm 2020 theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

b) Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2018, các cơ quan, đơn vị và địa phương đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2018 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2019, năm 2020.

Bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2018 - 2020, cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2018 - 2020, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

c) Lập kế hoạch chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Căn cứ các thỏa thuận viện trợ đã ký với nhà tài trợ trong giai đoạn 2018 – 2020 và cơ chế tài chính của chương trình, dự án; trên cơ sở dự kiến dự toán chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài năm 2018; các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch chi cho các chương trình, dự án năm 2019, 2020 từ nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài *(trong đó, chi tiết vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng của từng chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn sự nghiệp theo các lĩnh vực chi tương ứng)*.

d) Các cơ quan, đơn vị dự kiến nguồn thu phí, lệ phí cho năm 2019, năm 2020 theo quy định hiện hành tổng hợp vào dự toán thu ngân sách các năm 2019, năm 2020; lập kế hoạch nguồn thu học phí, giá dịch vụ y tế, giá dịch vụ sự nghiệp công và các khoản thu khác (nếu có) theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực, việc sử dụng để cải cách lương theo quy định, gửi cơ quan có thẩm quyền.

Chủ động bố trí các nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương); 50% tăng thu NSĐP hằng năm theo chế độ, số thu được để lại theo chế độ phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

IV. BIỂU MẪU BÁO CÁO VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2018 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2018 – 2020:

a) Về biểu mẫu, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình để áp dụng biểu mẫu cho phù hợp (tại Phụ lục đính kèm Công văn này).

- Đối với dự toán năm 2018: áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018-2020: áp dụng các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các biểu mẫu được đăng tải trên Website của Sở Tài chính Quảng Ngãi theo địa chỉ: *stc.quangngai.gov.vn)*.

b) Thời gian gửi Báo cáo: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự toán NSNN năm 2017, dự toán NSNN năm 2018 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2018 – 2020 gửi về Sở Tài chính ***trước ngày 15/8/2017.***

2. Một số nội dung khác:

a) Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Ngoài việc xây dựng dự toán đối với đơn vị dự toán cấp I, đề nghị đơn vị báo cáo, đánh giá, xây dựng và tổng hợp dự toán chi đầu tư phát triển theo các nội dung và biểu mẫu quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp chung.

b) Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Ngoài việc xây dựng dự toán đối với đơn vị dự toán cấp I, đề nghị đơn vị báo cáo, đánh giá, xây dựng và tổng hợp dự toán thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội, chương trình MTQG giảm nghèo bề vững trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Ngoài việc xây dựng dự toán đối với đơn vị dự toán cấp I, đề nghị đơn vị báo cáo, đánh giá, xây dựng và tổng hợp dự toán thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

d) Các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, đánh giá, xây dựng và tổng hợp đầy đủ dự toán kinh phí thực hiện các đề án, chủ trương của tỉnh, gửi về Sở Tài chính xem xét, cân đối tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách, tránh trường

hợp phải đề nghị bổ sung ngoài dự toán.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (KT), các phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu VT, KTbngoc448.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Trường Thọ